



## Bài báo nghiên cứu

# THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH CHỌN NGÀNH SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN NĂM NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Đào Thị Duy Duyên\*, Đinh Thảo Quyên, Nguyễn Thị Bích Hồng**

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*

*\*Tác giả liên hệ: Đào Thị Duy Duyên – Email: [duyendtd@hcmue.edu.vn](mailto:duyendtd@hcmue.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 30-11-2018; ngày nhận bài sửa: 13-8-2019; ngày duyệt đăng: 12-02-2020*

## TÓM TẮT:

Bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học để tìm hiểu thực trạng quá trình chọn ngành Sư phạm (SP) của sinh viên (SV) năm nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Khách thể nghiên cứu là 335 SV năm nhất thuộc 18 ngành SP. Kết quả nghiên cứu cho thấy một tỉ lệ nhỏ SV có ý định chọn ngành SP ngay từ nhỏ hoặc ở giai đoạn trung học cơ sở (THCS), đa số SV có ý định chọn ngành SP ở giai đoạn THPT và làm hồ sơ xét tuyển đại học (ĐH); Phần lớn SV có định hướng chắc chắn chọn ngành SP ở giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH thì có học lực cao, điểm đầu vào cao; Đa số SV hài lòng (HL) với quyết định chọn ngành SP hiện tại. Những SV chưa có ý định chắc chắn chọn ngành SP ở một số giai đoạn trong quá trình chọn ngành (nhất là ở giai đoạn trung học phổ thông (THPT) và làm hồ sơ xét tuyển ĐH) thì có mức độ HL về quyết định chọn ngành SP hiện tại thấp hơn những SV có ý định chắc chắn.

**Từ khóa:** quá trình chọn ngành; định hướng; ngành sư phạm; hài lòng; sinh viên năm nhất

## 1. Đặt vấn đề

Để theo học một ngành ở một trường ĐH thì các SV phải trải qua một quá trình hướng nghiệp, chọn nghề ở bậc THPT. Quá trình này thường không đơn giản và có nhiều trở ngại vì học sinh chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau như đặc điểm ngành nghề, đặc điểm bản thân, những yếu tố xã hội, gia đình... Một số học sinh có định hướng nghề rất sớm, ngay từ khi còn nhỏ, nhưng có những em vẫn loay hoay chưa xác định được nghề nghiệp tương lai cho đến tận giai đoạn phải làm hồ sơ đăng ký xét tuyển một ngành học cụ thể. Đó là những đặc điểm khác nhau trong quá trình chọn ngành học của các học sinh, SV hiện nay.

Ngành SP là một ngành quan trọng, đặc biệt với sứ mệnh đào tạo con người cho xã hội. Tuy nhiên, dù có tầm quan trọng như vậy, nhưng trong bối cảnh hiện nay, ngành SP

---

*Cite this article as:* Dao Thi Duy Duyen, Dinh Thao Quyen, & Nguyen Thi Bich Hong (2020). The choice of pedagogy major by freshman at Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(2), 329-340.

với mức thu nhập còn thấp, chưa đủ đảm bảo đời sống nhưng giáo viên phải chịu áp lực cao từ kì vọng của phụ huynh và xã hội nói chung. Những thách thức này làm cho ngành SP không còn hấp dẫn, không phải là ngành nằm trong những thứ hạng đầu được sự quan tâm của nhiều thí sinh dù vẫn có chính sách miễn giảm học phí. Vì vậy, hằng năm, các trường đào tạo ngành SP vẫn được giao chỉ tiêu đáng kể để tuyển sinh nhằm đáp ứng nhu cầu của hệ thống giáo dục, trong đó có Trường ĐHSP TPHCM, là một trong hai trường đào tạo ngành SP trọng điểm của cả nước thường tuyển được số lượng thí sinh vào ngành SP đáp ứng chỉ tiêu đề ra.

Vấn đề đặt ra là những thí sinh đã chọn ngành SP và đã trúng tuyển vào ngành SP ở Trường ĐHSP TPHCM đã trải qua sự cân nhắc như thế nào? Đó có phải là lựa chọn được xác định từ sớm một cách chắc chắn hay đó là một quá trình có nhiều biến đổi qua các giai đoạn khác nhau, hoặc đã ra quyết định vì tình thế buộc phải chọn mà chưa thật sự được định hướng rõ ràng? Ngoài ra, sau khi đã chọn ngành SP, và đã theo học một thời gian thì mức độ HL về quyết định chọn ngành SP của họ như thế nào?

Để giải đáp cho những băn khoăn về quá trình chọn ngành SP của SV, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu “Thực trạng quá trình chọn ngành SP của SV năm nhất Trường ĐHSP TPHCM” nhằm cung cấp những kết quả xác thực, hữu ích cho những người làm công tác đào tạo ngành SP có thể tham khảo, vận dụng giúp việc tuyển sinh đầu vào ngành SP tuyển được những người phù hợp và tăng hiệu quả quá trình đào tạo ngành SP.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Lí luận chung về quá trình chọn ngành SP**

#### *2.1.1. Định nghĩa chọn ngành, chọn ngành SP*

Theo Vu Anh Tung (2015), chọn ngành học là một hành động đưa ra quyết định để theo học một ngành cụ thể cho nghề nghiệp mong đợi trong tương lai. Theo Le Thi Thanh (2013), chọn ngành học là quyết định chọn một ngành nào đó mà các trường CD-ĐH đào tạo để đăng kí dự thi và theo học sau khi tốt nghiệp THPT.

Từ những quan niệm về việc chọn ngành, chúng tôi đưa ra khái niệm chọn ngành SP là “quá trình một cá nhân tìm hiểu về bản thân, về ngành SP và dựa trên một số yếu tố khác nhau để đưa ra quyết định về việc sẽ đăng kí và theo học chuyên ngành SP cụ thể đang được đào tạo ở một trường trung cấp, CD-ĐH sau khi tốt nghiệp THPT để chuẩn bị trở thành giáo viên trong tương lai” (Dao et al., 2018, p.25)

#### *2.1.2. Quá trình chọn ngành và chọn ngành SP*

Theo Phạm Mạnh Hà (2011) chọn ngành nghề là một chuỗi các hành động diễn ra đồng thời hoặc kế tiếp, gồm các quá trình như nhận thức về nghề với những nội dung và yêu cầu của nó, nhận thức về những năng lực, phẩm chất, tính cách, nhu cầu của bản thân, nhận thức nhu cầu thị trường lao động, đánh giá của xã hội đối với giá trị của nghề, qua đó tỏ thái độ và có hành động lựa chọn phù hợp.

Theo Nguyen Thi Lan Huong (2012), quá trình chọn ngành học được hình thành qua 3 giai đoạn chính: Giai đoạn 1 là sự hình thành về những ước mơ nghề nghiệp, hình thành vào thời thơ ấu; Giai đoạn 2 là xác định nhu cầu và thiết lập sự lựa chọn; Giai đoạn 3 là quyết định ngành học cuối cùng và tham gia dự thi. Cùng với quan niệm này, Le Thi Thanh (2013) cũng cho rằng việc lựa chọn ngành nghề diễn ra trong một quá trình kéo dài từ khi bản thân cá thể hình thành ý nghĩ, sở thích về một ngành nghề nào đó trong tương lai mà mình sẽ làm. Qua thời gian, bản thân cá thể đó có sự nhận thức rõ hơn về ngành nghề và với năng lực học tập cùng với những điều kiện khác (sức khỏe, tài chính gia đình...), cá thể đó sẽ dần định hướng lại để chọn lựa cho mình một ngành nghề phù hợp. Theo Hunjra (2010), quyết định chọn ngành học của phần lớn SV xuất phát từ sớm, khoảng 2 năm cuối trung học phổ thông (Bui, 2013).

Tại Việt Nam, với quy trình tuyển sinh năm 2017, quyết định chọn ngành học ở một trường cụ thể có thể thực hiện khi đăng ký hồ sơ xét tuyển cao đẳng – đại học (CĐ-ĐH), khi biết điểm thi THPT quốc gia và các trường ĐH công bố mức điểm nhận hồ sơ của các ngành, học sinh vẫn có cơ hội điều chỉnh nguyện vọng trong đợt 1 xét tuyển, nếu đậu thì sẽ làm thủ tục nhập học, nếu không trúng tuyển vào ngành đăng ký trong đợt 1 thì sẽ xét tuyển vào ngành khác trong đợt bổ sung (Ministry of Education and Training, 2017).

Quá trình chọn ngành SP, cũng như những giai đoạn của quá trình chọn ngành nói chung, quá trình chọn ngành SP bắt đầu bằng sự hình thành ước mơ nghề nghiệp, có thể được xuất hiện ngay từ rất sớm, theo thời gian qua các giai đoạn khác nhau của cuộc sống, chủ thể chọn ngành có sự nhận thức rõ hơn về ngành nghề và bản thân cùng với những điều kiện khác, chủ thể sẽ dần định hướng lại để chọn lựa cho mình một ngành nghề phù hợp. Nếu chủ thể vẫn cố định hướng ngành nghề trở thành giáo viên thì sẽ chuyển sang giai đoạn xác định nhu cầu bản thân và thiết lập các lựa chọn sẽ chọn học chuyên ngành SP gì, học ở đâu để trở thành giáo viên. Tiếp theo là học sinh đánh giá các lựa chọn về ngành SP qua việc phân tích, so sánh các thông tin, ưu nhược điểm của từng lựa chọn để chuyển tiếp qua giai đoạn 3 là đưa ra quyết định chọn chuyên ngành SP cuối cùng. Việc chọn chuyên ngành SP cụ thể nào sẽ được quyết định khi viết hồ sơ xét tuyển ĐH, quyết định có thể thay đổi sau khi các trường đào tạo SP công bố điểm xét tuyển của mỗi ngành SP và thí sinh được quyền đổi nguyện vọng xét tuyển vào các ngành SP 1 lần ở đợt xét tuyển đợt 1, nếu không trúng tuyển vào ngành nguyện vọng ở đợt 1, thí sinh được cơ hội xét tuyển ở đợt bổ sung vào ngành SP khác. Bước cuối cùng trong quá trình chọn ngành SP là đánh giá kết quả sau khi ra quyết định: Sau khi đã trúng tuyển, làm thủ tục nhập học, trở thành SV và trải qua quá trình học, các em sẽ đánh giá về mức độ chính xác, HL về quyết định chọn ngành SP của mình. (Dao et al., 2018)

## 2.2. *Thực trạng quá trình chọn ngành SP của SV năm nhất Trường ĐHSP TPHCM*

### 2.2.1. *Thông tin về khách thể và phương pháp nghiên cứu*

Khảo sát được tiến hành trên 335 khách thể là SV năm nhất thuộc 18 ngành SP (chia thành 4 nhóm ngành đặc thù, tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ) ở Trường ĐHSP TPHCM. Tỷ lệ 28,7% (96 SV) là nam và 71,3% nữ (239 SV). Nghề nghiệp của người nuôi dưỡng SV cũng đa dạng nhưng chủ yếu là nông dân, công nhân, kinh doanh buôn bán, giáo viên, giảng viên và có một tỷ lệ khá cao 23% người mẹ của SV bị thất nghiệp, mất sức. Về trình độ người nuôi dưỡng của SV, có khoảng 20% - 24% là trình độ CĐ-ĐH trở lên, còn lại chủ yếu là từ THPT trở xuống. Có 37% SV đến từ TPHCM, còn lại 63% SV đến từ các khu vực khác như miền Bắc, miền Trung, Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ. Tình trạng kinh tế gia đình của SV với 29,3% khá và giàu chiếm và 70,7% từ trung bình trở xuống. Có 47,7% SV sống ở nông thôn và 52,3 SV sống ở thành thị. SV có điều kiện kinh tế thuộc mức từ trung bình trở xuống ở nông thôn vào ngành SP (78,2%) cao hơn vùng thành thị (64%). Có 14,3% SV được hưởng chính sách ưu tiên, 6,9% được tuyển thẳng, 78,8% SV xét tuyển bình thường.

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm: Điều tra bằng bảng hỏi, thống kê toán học.

- Để khảo sát quá trình chọn ngành SP của SV, chúng tôi tìm hiểu mức độ định hướng chọn ngành SP theo các giai đoạn trong quá trình chọn ngành SP của SV năm nhất trên toàn mẫu. Xem xét mức độ định hướng chọn ngành SP ở giai đoạn THPT, làm hồ sơ xét tuyển ĐH theo điểm trúng tuyển. Xem xét mức độ định hướng chọn ngành ở giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH theo học lực lớp 12. Cuối cùng là tìm hiểu mức độ HL về quyết định chọn ngành SP hiện tại, xem xét mức độ HL với quyết định chọn ngành SP theo mức độ định hướng chọn ngành SP ở các giai đoạn chọn ngành, theo đợt trúng tuyển, nguyện vọng trúng tuyển.

- Mức độ định hướng được đánh giá theo thang điểm: 0= chưa có định hướng, 1= ít có định hướng, 2= có định hướng chắc chắn. Điểm trung bình (ĐTB) mức độ định hướng được quy đổi như sau:  $\text{ĐTB} < 0,67$  = chưa có định hướng,  $0,67 \leq \text{ĐTB} < 1,33$  = có một ít,  $\text{ĐTB} \geq 1,33$  = định hướng chắc chắn.

- Mức độ HL về quyết định chọn ngành SP được đánh giá theo thang điểm: 1 = rất HL và HL, 2= lưỡng lự, 3= ít, không HL. ĐTB mức độ HL được quy đổi là:  $\text{ĐTB} < 1,67$  = Rất HL và HL;  $1,67 \leq \text{ĐTB} < 2,33$  = lưỡng lự;  $\text{ĐTB} \geq 2,33$  = ít và không HL.

### 2.2.2. *Thực trạng quá trình chọn ngành SP của SV năm nhất trường ĐHSP TPHCM*

2.2.2.1. *Mức độ định hướng chọn ngành SP qua các giai đoạn của quá trình chọn ngành (xem Bảng 1)*

**Bảng 1.** Mức độ định hướng chọn ngành SP của SV năm nhất Trường ĐHSP TPHCM qua các giai đoạn định hướng của quá trình chọn ngành

Giai đoạn định hướng ngành nghề	Mức độ định hướng						ĐTB	So sánh ĐTB*  Phương sai = 265,3 Mức ý nghĩa < 0,001
	Chưa có (0)		Có một ít (1)		Chắc chắn (2)			
	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %		
Định hướng từ nhỏ	211	63,0	106	31,6	18	5,4	<b>0,42</b>	
Định hướng trong giai đoạn THCS	171	51,1	122	36,4	42	1,5	<b>0,61</b>	
Định hướng trong giai đoạn THPT	59	17,6	140	41,8	136	40,6	<b>1,23</b>	
Định hướng trong giai đoạn viết hồ sơ xét tuyển ĐH	17	5,1	71	21,2	247	7,7	<b>1,69</b>	

(\*) So sánh 4 trung bình bằng ANOVA

Từ kết quả của Bảng 1 có thể thấy: Ở thời điểm còn nhỏ, SV ngành SP có định hướng chọn ngành SP chiếm tỉ lệ là 37%. Điều này cũng phản ánh đúng với đặc điểm của định hướng nghề nghiệp của các em học sinh đã được trình bày trong phần cơ sở lý luận là một số em đã xuất hiện những định hướng về ngành nghề SP trong tương lai ngay từ lúc còn nhỏ tồn tại dưới dạng ước mơ. Nhưng hầu hết SV lại chưa có định hướng chắc chắn chọn ngành SP ngay từ sớm như vậy (ĐTB = 0,42)

Giai đoạn THCS, khoảng 49 % SV có định hướng chọn ngành SP (chắc chắn chỉ 5,4%, ít chắc chắn 31,6%), 51% SV chưa có định hướng. Đến giai đoạn THPT, số lượng SV có định hướng chọn ngành SP cao hơn hẳn với 40,6% SV có định hướng chắc chắn chọn ngành SP, 41,8% SV ít chắc chắn, và vẫn có 17,6% SV chưa có định hướng chọn ngành SP. Lúc làm hồ sơ xét tuyển ĐH, có đến 73,7% SV đã có định hướng chắc chắn sẽ chọn ngành SP, vẫn còn 21,2% SV ít chắc chắn, và 5,1% SV vẫn chưa có định hướng chọn ngành SP. Thời điểm làm hồ sơ xét tuyển ĐH là thời điểm quan trọng vì nó giúp các thí sinh có cơ hội vào được ngành học mà mình mong muốn. Hầu hết SV chắc chắn chọn ngành SP ở thời điểm mang tính quyết định này nhưng còn một bộ phận SV chưa có sự định hướng ngành nghề rõ ràng, một cách chủ động khi đầu vào ngành SP hiện tại. Những người làm công tác đào tạo cần chú ý hơn vào nhóm SV chưa có định hướng chọn ngành SP rõ ràng, chưa chắc chắn này để theo dõi quá trình học tập của các em như thế nào để có những hỗ trợ và điều chỉnh kịp thời, đảm bảo được chất lượng đào tạo phù hợp khi ra trường.

So sánh điểm trung bình mức độ định hướng chọn ngành SP ở 4 giai đoạn định hướng ngành nghề thì ĐTB có xu hướng ngày càng tăng lên ở các giai đoạn THPT và làm hồ sơ xét tuyển ĐH. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê khi dùng kiểm nghiệm Anova,

với mức ý nghĩa  $<0,001$ , nghĩa là mức độ có định hướng chọn ngành SP ở giai đoạn đầu với nhiều SV chưa chắc chắn nhưng có xu hướng ngày càng nhiều SV chắc chắn khi càng đến thời điểm quyết định cho việc chọn ngành học, đó là giai đoạn viết hồ sơ xét tuyển ĐH.

2.2.2.2. *Mức độ định hướng chọn ngành SP ở giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH theo học lực lớp 12 (xem Bảng 2)*

**Bảng 2.** *Mức độ định hướng chọn ngành SP ở giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH theo học lực lớp 12*

Học lực lớp 12	Mức độ định hướng chọn ngành SP						ĐTĐB mức độ định hướng	So sánh ĐTĐB	
	Chưa có		Có một ít		Chắc chắn				Tổng
	TS	%	TS	%	TS	%			
TB trở xuống	3	17,6	7	9,9	11	4,5	<b>21</b>	<b>1,38</b>	Phương sai = 4,65 Mức ý nghĩa = 0,01
Khá	7	41,2	34	47,9	96	38,9	<b>137</b>	<b>1,65</b>	
Giỏi trở lên	7	41,2	30	42,3	140	56,7	<b>177</b>	<b>1,75</b>	
<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>100</b>	<b>71</b>	<b>100</b>	<b>247</b>	<b>100</b>	<b>335</b>		

Bảng 2 cho thấy khuynh hướng SV có học lực càng cao thì ĐTĐB mức độ định hướng chọn học ngành SP ở giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH càng cao. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê khi kiểm nghiệm bằng Anova, với mức ý nghĩa  $<0,05$ . Điều này có nghĩa là, ở giai đoạn này, nhiều SV có học lực khá giỏi đã có định hướng chắc chắn chọn ngành SP dù vẫn có một bộ phận chỉ có một ít hoặc chưa có định hướng chắc chắn về việc chọn ngành SP. Vẫn có một tỉ lệ nhỏ SV có học lực lớp 12 dưới TB vẫn có định hướng chắc chắn chọn ngành SP, điều này cũng hợp lí vì không phải ngành SP nào cũng có điểm chuẩn đầu vào cao, vẫn có những ngành điểm thấp, chỉ trên mức điểm sàn một chút.

2.2.2.3. *Mức độ định hướng chọn ngành SP ở giai đoạn THPT và làm hồ sơ xét tuyển ĐH theo điểm trúng tuyển ĐH (xem Bảng 3)*

**Bảng 3.** *Mức độ định hướng chọn ngành SP ở giai đoạn THPT và làm hồ sơ xét tuyển ĐH theo điểm trúng tuyển ĐH*

Điểm trúng tuyển ĐH	Mức độ định hướng chọn ngành SP						ĐTĐB mức độ định hướng	So sánh ĐTĐB	
	Chưa có		Có một ít		Chắc chắn				Tổng
	TS	%	TS	%	TS	%			
<b>Định hướng trong giai đoạn THPT</b>									
<b>Điểm &lt; 21</b>	15	25,4	16	11,4	20	14,7	<b>51</b>	<b>1,10</b>	Phương sai =
<b>21 ≤ điểm &lt; 26</b>	37	62,7	91	65,0	78	57,3	<b>206</b>	<b>1,20</b>	

<b>Điểm ≥ 26</b>	7	11,9	33	23,6	38	28,0	<b>78</b>	<b>1,40</b>	<b>3,121</b>
<b>Tổng</b>	<b>59</b>	100	<b>140</b>	100	<b>136</b>	100	<b>335</b>		<b>Mức ý nghĩa = 0,04</b>
<b>Định hướng trong giai đoạn viết hồ sơ xét tuyển ĐH</b>									
<b>Điểm &lt; 21</b>	5	29,4	11	15,5	35	14,2	<b>51</b>	<b>1,59</b>	Phuong sai = 1,179
<b>21 ≤ điểm &lt; 26</b>	9	52,9	46	64,8	151	61,1	<b>206</b>	<b>1,69</b>	
<b>Điểm ≥ 26</b>	3	17,7	14	19,7	61	24,7	<b>78</b>	<b>1,74</b>	Mức ý nghĩa = 0,31
<b>Tổng</b>	<b>17</b>	100	<b>71</b>	100	<b>247</b>	100	<b>335</b>		

Bảng 3 cho thấy ở giai đoạn THPT, ĐTB mức độ định hướng chọn ngành SP của nhóm điểm trúng tuyển dưới 26 điểm ở mức có một ít, ở nhóm điểm trên 26 thì ở mức có định hướng chắc chắn chọn SP. Và sự khác biệt về ĐTB mức độ định hướng chọn ngành SP giữa các nhóm điểm trúng tuyển là có ý nghĩa thống kê khi dùng kiểm nghiệm Anova, với mức ý nghĩa <0,05. Điều này có nghĩa là những SV có điểm trúng tuyển cao trên 26 điểm đã có định hướng chắc chắn chọn ngành SP ở giai đoạn THPT nhiều hơn những SV ở 2 nhóm điểm trúng tuyển khác. Đây là một kết quả tích cực vì thể hiện ngành SP vẫn có thể thu hút được những người có năng lực học tập tốt để vào học, và họ có định hướng chắc chắn chọn ngành SP ngay từ những năm học THPT.

Ở giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH, cả 3 nhóm điểm trúng tuyển đều có ĐTB định hướng chọn ngành SP ở mức chắc chắn và không có sự khác biệt đáng kể. Khi xét cụ thể từng ĐTB thì vẫn thấy rằng, có xu hướng điểm xét tuyển càng cao thì mức độ định hướng chắc chắn chọn ngành SP cao. Xét theo tỉ lệ, một tỉ lệ lớn SV có mức điểm xét tuyển cao trên 21 có định hướng chắc chắn chọn ngành SP, phản ánh rằng những SV có năng lực học tập khá giỏi vẫn chọn ngành SP khá nhiều. Nhưng cũng còn một bộ phận SV có điểm cao trên 21 điểm chưa có định hướng chọn ngành SP ở giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH. Những SV đưa ra quyết định chọn ngành SP rất muộn, không phải là lựa chọn ban đầu và ưu tiên của họ. Những nhóm SV này cần được chú ý trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHSP TPHCM để biết được mức độ học tập tích cực và mức độ phù hợp với ngành SP để có những điều chỉnh cần thiết, tránh việc các em bỏ ngang việc học gây lãng phí nguồn SV có năng lực học tập tốt.

#### 2.2.2.4. *Mức độ hài lòng về quyết định chọn ngành SP hiện tại – giai đoạn đánh giá sau khi ra quyết định*

Trong quá trình chọn ngành học, giai đoạn cuối cùng là SV đánh giá kết quả sau khi ra quyết định. Ở giai đoạn này, sau khi trải qua một thời gian học, SV sẽ đánh giá mức độ HL về quyết định chọn ngành SP của mình. Trong nghiên cứu này, mức độ HL với quyết

định chọn ngành SP được khảo sát sau khi SV năm nhất đã học xong 1 học kì ở môi Trường ĐHSP TPHCM (xem Bảng 4).

**Bảng 4.** Tần số, tỉ lệ mức độ HL với quyết định chọn ngành SP của SV năm nhất Trường ĐHSP TPHCM

Mức độ HL	TS	%	ĐTB chung	Độ lệch chuẩn
1. Rất HL và HL	212	63,3		
2. Lưỡng lự	104	31,0	1,42	0,598
3. Ít và không HL	19	5,7		

Bảng 4 (ĐTB = 1,42) cho thấy SV năm nhất ngành SP có mức độ HL cao đối với quyết định chọn ngành SP của mình sau một học kì, có 63,3% SV rất HL và HL với quyết định của mình. Tuy nhiên cũng cần lưu ý có một tỉ lệ 31% vẫn còn cảm thấy lưỡng lự về cảm nhận HL của mình, và 5,7% SV vẫn ít và chưa HL với quyết định. Những phân tích về mức độ HL với quyết định chọn ngành SP theo định hướng chọn ngành SP qua các giai đoạn chọn ngành sẽ cung cấp thêm một góc nhìn rõ hơn về mức độ HL của SV (xem Bảng 5).

**Bảng 5.** So sánh mức độ HL với quyết định chọn ngành SP hiện tại theo mức độ định hướng chọn ngành SP qua 4 giai đoạn chọn ngành

Mức độ HL với quyết định chọn ngành SP theo 4 giai đoạn chọn ngành	Mức độ định hướng chọn ngành SP			So sánh ĐTB
	Chưa có	Có một ít	Chắc chắn	
Mức độ HL khi định hướng SP ở giai đoạn <b>lúc nhỏ</b>	1,41	1,49	1,16	Phương sai =2,276 , mức ý nghĩa = 0,095 > 0,05
Mức độ HL khi định hướng SP ở giai đoạn <b>THCS</b>	1,53	1,33	1,26	Phương sai = 6,078, mức ý nghĩa=0,003 < 0,01
Mức độ HL khi định hướng SP ở giai đoạn <b>THPT</b>	1,74	1,53	1,17	Phương sai =25,534 , mức ý nghĩa=0,000 < 0,001
Mức độ HL khi định hướng SP ở giai đoạn <b>làm hồ sơ xét tuyển ĐH</b>	1,76	1,79	1,3	Phương sai =24,656, mức ý nghĩa =0,000 < 0,001

Bảng 5 cho thấy ĐTB mức độ HL càng thấp thì mức độ HL càng cao (vì quy ước điểm số 1= HL và rất HL, 2= lưỡng lự, 3= ít và không HL). Cả bốn giai đoạn định hướng ngành SP thì những SV có định hướng chắc chắn chọn ngành SP có mức độ HL với quyết định chọn ngành SP hiện tại cao hơn so với nhóm SV ít hoặc chưa có định hướng chọn ngành SP; Xét theo bốn giai đoạn định hướng ngành nghề theo tiến trình đi lên từ lúc nhỏ, giai đoạn THCS, giai đoạn THPT, giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH thì nhóm SV chưa có định hướng chọn ngành SP có xu hướng có điểm TB mức độ HL về quyết định chọn ngành SP hiện tại ngày càng có điểm số cao, đồng nghĩa với mức độ HL ngày càng thấp. Nghĩa là đến giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH mà vẫn chưa có định hướng chọn ngành SP thì mức



độ HL với quyết định thấp hơn so với việc giai đoạn trước chưa có định hướng. Điều này được lí giải là đến giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH mà vẫn chưa có định hướng chọn ngành SP thì thể hiện sự thiếu chắc chắn trong việc định hướng nghề nghiệp, do đó, việc chọn vào ngành học SP không phải là lựa chọn ưu tiên mà là lựa chọn vào phút chót nên mức độ HL sẽ khó đạt được.

So sánh ĐTB mức độ HL về quyết định chọn ngành SP giữa các nhóm SV chưa có định hướng, có một ít và chắc chắn chọn ngành SP trong giai đoạn chọn ngành lúc nhỏ thì không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Nhưng ở giai đoạn THCS, THPT, giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH thì có sự khác biệt rất có ý nghĩa thống kê về ĐTB mức độ HL với quyết định chọn ngành SP hiện tại giữa 3 nhóm SV có mức độ định hướng chọn ngành SP khác nhau (mức ý nghĩa  $< 0,05$ ). Cụ thể, ở giai đoạn THPT nếu SV đã chắc chắn có định hướng chọn ngành SP thì rất HL về quyết định hiện tại của mình (ĐTB = 1,17), còn những SV chưa có định hướng thì cảm thấy lưỡng lự về quyết định của mình (ĐTB = 1,74). Ở giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH, nếu SV đã chắc chắn có định hướng chọn ngành SP thì rất HL về quyết định chọn ngành SP hiện tại của mình (ĐTB = 1,3), còn những SV chỉ mới có một ít định hướng hoặc chưa có định hướng chọn ngành SP ở giai đoạn quan trọng này thì cảm thấy lưỡng lự về quyết định hiện tại (ĐTB là 1,76 và 1,79).

*2.2.2.5. Mức độ HL với quyết định chọn ngành SP hiện tại theo đợt trúng tuyển, nguyện vọng ưu tiên (xem Bảng 6)*

Bảng 6 bên dưới cho thấy hầu hết SV trúng tuyển ở đợt 1, theo nguyện vọng 1 cũng khá cao, SV trúng tuyển không phải nguyện vọng 1 chiếm khoảng 1/3 số SV, SV trúng tuyển đợt bổ sung chiếm tỉ lệ thấp.

SV trúng tuyển đợt 1, nguyện vọng 1 vào ngành SP thì có tỉ lệ HL về quyết định cao (70,5%), với SV trúng tuyển đợt 1 nhưng không là nguyện vọng 1 thì tỉ lệ là 50,5%. Tuy nhiên cũng có khoảng gần 30% SV trúng tuyển đợt 1, nguyện vọng 1 vẫn cảm thấy lưỡng lự đến không HL về quyết định chọn ngành SP hiện tại của mình, với nhóm SV trúng tuyển vào ngành SP hiện tại ở đợt 1 nhưng không là nguyện vọng 1 thì tỉ lệ là 49,5%. SV trúng tuyển đợt xét bổ sung thì tỉ lệ HL là 45,5%, còn tỉ lệ lưỡng lự đến không HL là 44,5%. Kết quả kiểm nghiệm Chi bình phương cho thấy tỉ lệ mức độ HL với quyết định chọn ngành SP hiện tại của SV theo đợt trúng tuyển và nguyện vọng ưu tiên có sự khác biệt có ý nghĩa về thống kê (mức ý nghĩa  $< 0,01$ )

**Bảng 6.** Mức độ HL với quyết định chọn ngành SP hiện tại theo đợt trúng tuyển, nguyện vọng ưu tiên

Đợt trúng tuyển, nguyện vọng ưu tiên	Mức độ HL						Tổng	% mẫu N=335	Kiểm nghiệm Chi-bình phương
	Rất HL và HL		Lưỡng lự		Ít, không HL				
	TS	% đồng	TS	% đồng	TS	% đồng			
Trúng tuyển đợt 1, nguyện vọng 1	153	70,5	56	25,8	8	3,7	217	64,8	Trị số chi bình phương =16,596 Mức ý nghĩa = 0,002
Trúng tuyển đợt 1, không là nguyện vọng 1	54	50,5	44	41,1	9	8,4	107	31,9	
Đợt xét bổ sung	5	45,5	4	36,4	2	18,1	11	3,3	

### 3. Kết luận

Quá trình chọn ngành SP của SV năm nhất trải qua các giai đoạn khác nhau với mức độ định hướng chọn ngành khác nhau. Có một bộ phận SV có định hướng chọn ngành SP khi còn nhỏ hoặc ở các cấp học THCS, THPT còn lại hầu hết SV chưa có định hướng chắc chắn chọn ngành SP khi còn nhỏ và ở giai đoạn THCS, mà hầu hết đến giai đoạn THPT và giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH thì mới có định hướng chắc chắn. Những SV có học lực càng cao thì càng có định hướng chắc chắn chọn ngành SP ở giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH dù vẫn có một bộ phận nhỏ SV có học lực cao nhưng chưa chắc chắn chọn ngành SP ở giai đoạn này. Ngành SP đã thu hút được nhiều SV có điểm xét tuyển cao trên 21 điểm vào các ngành SP và hầu hết đều có định hướng chắc chắn chọn ngành SP ngay từ bậc THPT và giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH. Nhưng vẫn có một tỉ lệ nhỏ SV có điểm trúng tuyển cao nhưng lại chưa có định hướng chắc chắn chọn ngành SP ở giai đoạn quan trọng là làm hồ sơ xét tuyển ĐH, quyết định chỉ được đưa ra sau này. SV càng có định hướng chắc chắn chọn ngành SP ngay từ sớm thì càng có mức độ HL với quyết định hiện tại càng cao. Những SV chưa có định hướng chọn ngành SP ở giai đoạn THPT, giai đoạn làm hồ sơ xét tuyển ĐH thì lưỡng lự và ít HL với quyết định hiện tại của mình. Những SV trúng tuyển ngành SP đợt 1, nguyện vọng 1 thì có mức độ HL với quyết định của mình nhiều hơn những SV thuộc diện trúng tuyển khác. Những kết quả này sẽ giúp ích cho những người làm công tác đào tạo có thể hỗ trợ cho những SV chưa có định hướng chắc chắn chọn ngành SP, chưa HL với quyết định hiện tại có thể thay đổi để học tập hiệu quả với ngành đã chọn.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui Thi Kim Hoang (2013). *Factors Affecting the Decision to Choose Bank and Finance Major of the Students at Ton Duc Thang University* [Nhưng yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành Tài chính Ngân hàng của sinh viên Trường Đại học Ton Duc Thang]. Master thesis. University of Economic Ho Chi Minh City.
- Dao Thi Duy Duyen, Dinh Thao Quyen, Nguyen Thi Bich Hong, Ly Minh Tien, & Nguyen Thi Xuan Dao (2018). *Factors Affecting the Decision to Choose Pedagogy Major Among the Freshmen at HCM City University of Education* [Yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn ngành sư phạm của sinh viên năm nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh]. A Scientific and Technological Research University Level, Ho Chi Minh City University of Education.
- Le Thi Thanh (2013). *Assessment Factors Affecting the Choice of Majors Among the Students at Industrial Vocational College Hanoi* [Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn ngành nghề của sinh viên hệ cao đẳng Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội]. Master thesis in Measurement and Assessment in Education. Vietnam National University, Hanoi.
- Ministry of Education and Training, Vietnam (2017). *Guiding to Admissions for Official University System; Admissions of the Official College of Teacher Training 2017* [Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2017]. Text No. 603/BGDĐT-GDĐH.
- Nguyen Thi Lan Huong (2012). *Research on the Factors Affecting the Motivation in Choosing Enterprise Administration Major of The Students at Da Nang College of Economics – Planning* [Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ chọn ngành quản trị doanh nghiệp của sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Đà Nẵng]. Master thesis in Business Administration. The University of Da Nang.
- Pham Manh Ha (2011). *Psychological Characteristics in the Career Selection Activities of Grade 12th Students in High Schools at the Present* [Đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của học sinh lớp 12 trung học phổ thông hiện nay]. Doctor of Psychology Dissertation. VNU University of Social Sciences and Humanities.
- Vu Anh Tung (2015). *Research on the Factors Affecting the Choice of Business Administration Major of the Students at Binh Duong Economics and Technology University* [Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn ngành học Quản trị kinh doanh của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương]. Master thesis in Business Administration. University of Finance and Marketing.

**THE CHOICE OF PEDAGOGY MAJOR BY FRESHMAN  
AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION**  
*Dao Thi Duy Duyen\**, *Dinh Thao Quyen*, *Nguyen Thi Bich Hong*

*Ho Chi Minh City University of Education*

*\*Corresponding author: Dao Thi Duy Duyen – Email: minhquan04081994@gmail.com*

*Received: November 30, 2018; Revised: August 13, 2019; Accepted: February 12, 2020*

**ABSTRACT**

*The paper aims to explore the choice of pedagogy major by freshmen at Ho Chi Minh City University of Education using a questionnaire. A total of 335 freshmen from 18 majors joined the study. The results indicate that some students chose to be a teacher from childhood or secondary schools. Almost participants chose the major from high school and considered it during the admission application to university. Most students who had firm orientation during the admission process had high academic results and high entrance exam results. Most participants are satisfied with their current choices. Students who are unsure about their career orientation (especially during high school and the admission process) are less satisfied about the choices than those who have a clear careerorientation of being a teacher.*

**Keywords:** choice of major at university; career orientation; pedagogy major; satisfaction; freshmen